

NEUTRAL 1:500,000

EDITION 1

LIÊN PHƯỚC

SHEET 683

MAP OVERPRINT- LEGEND

FORTIFICATIONS

- FOXHOLES, SPIDER HOLES
- TRENCH SYSTEM
- STRUCTURE, HUT, OR BUNKER
- TUNNEL ENTRANCE, CAVES
- STRONG POINT

TYPE WEAPONS EMPLACEMENTS

- AUTOMATIC WEAPONS, MORTAR
- ROCKET INF, RECOILLESS RIFLE
- ROCKET LAUNCHER ARTILLERY
- AIR DEFENSE MACHINE GUN AA/AW

LINE OF COMMUNICATIONS

- ROAD
- TRAILS: FOOT, CART
- BRIDGE: VEHICLE, FOOT, BYPASS IN KILOMETER STONE
- HELICOPTER LZ (UH-ID CAPACITY)
- AIRFIELD (TYPE/AIRCRAFT)

OBSTACLES

- BRIDGE DESTROYED
- ROAD: CUT, BLOCK
- BOOBY TRAP, PUNJII OR SIMILAR
- ENEMY OR ABANDONED MINEFIELDS

MISCELLANEOUS

- DEFOLIATED AREA
- DEMOLISHED AREA
- UNCONFIRMED, UNOCCUPIED
- WAY STATION
- OTHER- STANDARD MAP SYMBOLS

지도 미공 인쇄 — 범례

요새

- 호, 개인호
- 교룡호
- 건축물, 가병사 또는 방가
- 강도 입구, 동굴
- 강점

각종 무기 진지

- 자동 화기, 박격포
- 보병 휴대용 로켓트, 부반동총
- 로켓트포
- 고사 기관총 대공 자동화기

병참선

- 도로
- 소로: 보행로, 우마차로
- 교량: 차량통행 교량, 보행교량, 우회교량
- 거리 표시 돌
- 헬리콥터 착륙지대 (UH-ID 착륙가능)
- 비행장 (비행장 형태 / 착륙가능 항공기)

장애물

- 파괴된 교량
- 도로: 절단도로, 차단
- 뱀바추렐, 축창 장애물, 적
- 적지뢰 지대 및 철폐한 시뢰 지대

기타

- 고엽지역
- 파괴된 지역
- 미확인, 미점유
- 중간 연락소
- 기타 지도 표준기호

BÍ-CHÚ BẢN ĐỒ

PHÒNG THỦ

- HỒ CÁ NHÂN, HỒ PHỤC VỊCH
- CHIẾN HẠO
- CỔ SỎ, NHÀ TRANH, PHÁO DÀI
- CỬA VÀO ĐƯỜNG HẦM, HANG
- YẾU ĐIỂM

VỊ TRÍ CÁC LOẠI VŨ KHÍ

- SÚNG LIÊN THANH, CỎI (SÚNG)
- ĐIÀ PHÁO ĐAI BẮC KHÔNG GIẬT
- PHỎNG HOÀ TIỀN PHÁO
- SÚNG PHỎNG KHÔNG

ĐƯỜNG GIẤY LIÊN LẠC

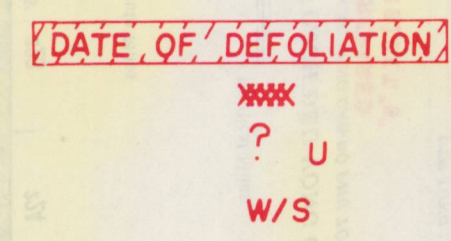
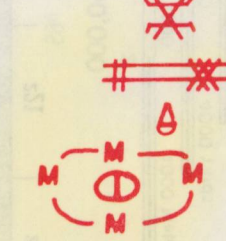
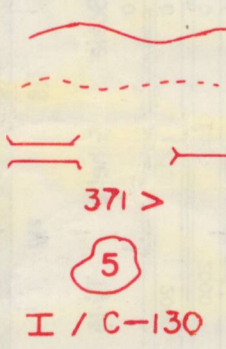
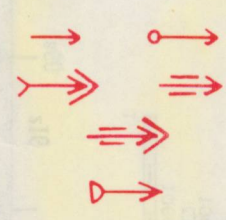
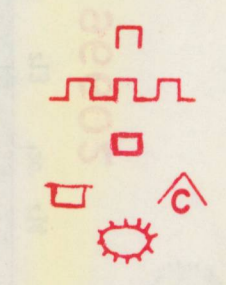
- ĐƯỜNG
- ĐƯỜNG MÔN, ĐƯỜNG MÔN NHỎ ĐỂ ĐI BỎ, ĐƯỜNG CÓ THỂ ĐI BẰNG XE HỒ
- CÂU, XE, ĐƯỜNG VÔNG TẮT
- TRU CHỈ CAY SỎ
- BÀI ĐÁP TRƯỚC THĂNG
- PHI TRƯỜNG (LOẠI PHI CỎ)

CHƯỚNG NGẠI VẬT

- CẦU BỊ PHÁ HỦY
- ĐƯỜNG, CẮT DỨT GIẢN ĐOAN
- BẦY CHÔNG
- NHÚNG BÀI MĨN BỒ HOANG CỬA ĐỊCH

LINH-TÍNH

- KHU VỰC BỊ KHAI QUANG BĂNG HÓA CHẤT (NGÀY KHAI QUANG)
- KHU BỊ PHÁ HỦY
- KHÔNG XÁC ĐỊNH KHÔNG CHIẾM CỬ
- TRAN GIAO LIÊN
- TIÊU CHUẨN KHÁC VẼ DẤU TƯỢNG TRÊN BẢN ĐỒ



LEGEND ON BACK